TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 80/2018/QĐST - HNGĐ

Hải Châu, ngày 04 tháng 04 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự thụ lý số 45/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2018 giữa người yêu cầu:

Chị **Lê Thị Bích N** – Sinh năm: 1982

Anh **Phạm Văn K** – Sinh năm: 1975

Cùng trú tại: Số K27/11 đường N, phường H I, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/3/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/03/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:**

Chị **Lê Thị Bích N**

Anh **Phạm Văn K**

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***** *Quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Bích N và anh Phạm Văn K thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

* *Quan hệ con chung:* Chị Lê Thị Bích N và anh Phạm Văn K thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Phạm Lê Bảo N – Sinh ngày: 16/11/2011cho chị Lê Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên và anh Phạm Văn K

phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con chung các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

* Quan hệ tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan hệ nợ chung: Không nợ ai, không ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lệ phí dân sự sơ thẩm:

Lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000 chị Lê Thị Bích N và anh Phạm Văn K cùng chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001306 ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Chị Lê Thị Bích N và anh Phạm Văn K đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3/ Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND q.Hải Châu;
- UBND phường H I,
Quận H, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Ba